TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc

Bản án số 35/2019/DS-PT
Ngày 06-11-2019

V/v tranh chấp về bồi thường thiệt hại do tài sản, sức khỏe bị xâm phạm.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Hàng Lâm Viên**

Các Thẩm phán: Ông **Nguyễn Văn Được**

Bà **Trần Thị Dịu**

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Trần Thanh Thư- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận:

Bà Nguyễn Thị Chuốt- Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 06 tháng 11 năm 2019 tại Hội trường xử án Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 41/2019/TLPT-DS ngày 12 tháng 9 năm 2019 về "Tranh chấp bồi thường thiệt hại do tài sản, sức khỏe bị xâm phạm".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 10/2019/DS-ST ngày 31 tháng 7 năm 2019 của Toà án nhân dân huyện NH, tỉnh Ninh Thuận bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 45/2019/QĐPT-DS ngày 21 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Phạm Văn Đ, sinh năm: 1967; Có mặt.

Địa chỉ: MH, TH, NH, Ninh Thuận.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn:

Ông Đào Văn P- Luật sư của Văn phòng luật sư HP thuộc Đoàn luật sư tỉnh Ninh Thuận. Có mặt.

2. Bị đơn: ông Phạm Văn L, sinh năm 1947; Có mặt.

Địa chỉ: MT 2, TH, NH, Ninh Thuận.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Thị M, sinh năm: 1968; Có mặt.

Địa chỉ: MH, TH, NH, Ninh Thuận.

4. Người làm chứng:

- Ông Phạm Ngọc A, sinh năm 1964; Có mặt.

- Bà Trần Thị M, sinh năm 1964; Có mặt.

Cùng địa chỉ: MT 1, NH, NH, Ninh Thuận.

Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Phạm Văn Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn ông Phạm Văn Đ trình bày:

Từ năm 2000, ông Đ và vợ là Nguyễn Thị M (bà M) về sống tại nhà và đất từ đường, tọa lạc tại thôn MH, xã TH. Trên đất đã có 01 căn nhà cấp 4 do ông Phạm Ngọc A xây dựng từ khoảng năm 1996. Vợ chồng ông có sửa chữa lại căn nhà này để khang trang hơn. Sau đó, vợ chồng ông Đ xây 01 nhà tắm, kích thước 1m x 1m x 2m, nền lát xi măng, vách tablo, mái tole xi măng và làm mới 34m hàng rào lưới B40, trụ xi măng quanh khu đất.

Ngày 15/4/2016, ông Phạm Văn L có dẫn một số người đến tháo dỡ, đập bỏ căn nhà ở và nhà tắm. Ngày 03/6/2016, ông Phạm Văn L tiếp tục dẫn một số người đến đuổi ông và cha ông tên Phạm Văn Tr, không cho gia đình ông sống tại nhà và đất này. Ông L còn trói và đuổi ông Đ ra khỏi nhà. Đến ngày 08/10/2016, ông Phạm Văn L và một số người đến tháo dỡ toàn bộ hàng rào trụ xi măng, lưới B40, dây điện sản xuất của vợ chồng ông Đ. Do những hành vi trái pháp luật của ông L nên tháng 11/2016, ông Đ bị bệnh phải điều trị tại thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Phạm Văn Đ yêu cầu cá nhân ông Phạm Văn L phải bồi thường thiệt hại về tài sản, thiệt hại về sức khỏe và tổn thất về tinh thần như sau:

- 01 chòi đá cốm, mái lợp ngói, kích thước 3,4m x 4,3m, giá trị là 21.300.000 đồng;

- 01 nhà tắm, tường xây gạch tablo, mái lợp tole, kích thước 1m x 1m x 2m, giá trị 6.900.000 đồng;

- Hàng rào trụ xi măng, lưới B40 giá trị 4.200.000 đồng;

- Chi phí khám chữa bệnh là 4.822.952 đồng;

- Tiền tổn thất tinh thần là 20.000.000 đồng; Tổng cộng số tiền yêu cầu ông Phạm Văn L phải bồi thường là 57.222.952 đồng.

Bị đơn ông Phạm Văn L trình bày:

Thửa đất có các tài sản theo yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn Đ nguồn gốc là di sản của ông bà tổ tiên để lại. Gia tộc cho ông Phạm T (cha ông Phạm Văn A) thuê từ năm 1990-2005. Trên đất có 01 căn nhà từ đường do gia tộc xây dựng năm 2000. Trong thời gian thuê đất để canh tác, ông Phạm T xây thêm 01 căn chòi

nền xi măng, tường đá cốm, mái lợp ngói, diện tích 3m x 4m; 01 giếng xây đá cốm sâu 5m, đường kính 5m và lắp đặt hệ thống mương nước. Trong thời gian ông T thuê đất, ông Phạm Ngọc A (con ruột của ông T) trưởng thành và tiếp tục canh tác thay cho ông T. Trong thời gian ông Phạm Ngọc A sử dụng đất, ông Phạm Ngọc A không xây dựng thêm tài sản nào khác.

Năm 2001, Nhà nước thu hồi một phần diện tích, bồi thường cho ông Phạm Ngọc A 16.800.000 đồng. Ông Phạm Ngọc A đã nhận tiền và làm giấy tờ giao trả lại cho dòng họ Phạm toàn bộ đất và các tài sản gồm chòi, giếng nước trên đất. Năm 2002, gia tộc mời ông Phạm Văn Tr (cha của Phạm Văn Đ) về ở trông coi đất nhưng ông Tr già, yếu nên gia tộc nhất trí cho ông Phạm Văn Đ và vợ là Nguyễn Thị M về ở tại đất. Nhà nước tiếp tục thu hồi đất lần thứ hai, bồi thường 4.800.000đ, gia tộc giao số tiền này cho ông Đ xây dựng hàng rào xi măng, lưới B40; ông Phạm Ngọc D cho ông Đ 300.000đ để xây hàng rào. Năm 2013, ông Đ tự ý cho thuê toàn bộ đất và nhà từ đường; gia tộc mời cha ông Đ đến thông báo không cho ông Đ được tiếp tục sinh sống trong nhà từ đường; ông Đ thường xuyên trở về đất của từ đường để gây rối, đập phá nên gia tộc nhiều lần yêu cầu ông Đ tháo dỡ tài sản trả lại đất nhưng ông Đ không chấp hành.

Ngày 15/4/2016, ông Đ cùng một số người trong dòng tộc tháo dỡ toàn bộ hàng rào, trụ xi măng, lưới B40; tháo dỡ căn chòi nền xi măng, tường đá cốm, mái lợp ngói diện tích 3m x 4m; tháo dỡ nhà tắm. Trước khi tháo dỡ 01 ngày, ông và ông Phạm Th có gởi đơn đến Ban quản lý thôn MH và Công an xã TH để thông báo về việc tháo dỡ này. Khi tháo dỡ, gia tộc đã di chuyển 01 giường gỗ, 01 đi văng gỗ, 01 tủ sắt, 01 cây quạt ra ngoài đất từ đường. Các tài sản này, ông Đ đã không còn sử dụng từ năm 2013.

Ông Phạm Văn Đ tái chiếm nhà và đất từ đường nên ngày 03/6/2016, gia tộc tiếp tục yêu cầu ông Đ, ông Tr không được sống tại nhà từ đường nữa, tuy nhiên ông Đ, ông Tr dùng hung khí để phản ứng lại. Vì vậy, ông L và một số người trong gia tộc đã khống chế, trói ông Phạm Văn Đ và đưa ông Đ, ông Tr ra khỏi nhà từ đường.

Ông Phạm Văn L không đồng ý đối với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Phạm Văn Đ vì ông Đ không có quyền sử dụng đất từ đường và cũng không có quyền sử dụng các tài sản là chòi đất, nhà tắm và hàng rào. Bởi lẽ các tài sản này là ông Phạm Ngọc A xây dựng trong thời gian thuê đất. Hết thời gian thuê đất, ông Phạm Ngọc A trả lại cho gia tộc, không trả cho ông Phạm Văn Đ. Trong thời gian gia tộc cho ông Phạm Văn Đ quản lý nhà từ đường, vợ chồng ông Đ cũng không xây dựng, sửa chữa, làm mới thêm tài sản nào khác trên đất.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị M trình bày:

Bà đồng ý với nội dung trình bày và yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn Đ. Bà không có ý kiến bổ sung.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2019/DS-ST ngày 31/7/2019, Tòa án nhân dân huyện NH, tỉnh Ninh Thuận đã quyết định:

Căn cứ khoản 6 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Điều 584 Bộ luật dân sự 2015. Điều 12, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

Tuyên xử: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Văn Đ về việc yêu cầu ông Phạm Văn L phải bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do tài sản, sức khỏe bị xâm phạm, tổn thất tinh thần. Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên nghĩa vụ chịu án phí đối với yêu cầu bồi thường về tài sản, quyền kháng cáo.

Ngày 06/8/2019, nguyên đơn ông Phạm Văn Đ kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 10/2019/DS-ST ngày 31/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện NH. Ông Đ yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa toàn bộ bản án theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Đối với yêu cầu khởi kiện, ông Phạm Văn Đ xác định yêu cầu ông Phạm Văn L phải bồi thường tài sản gồm giá trị căn nhà (chòi ở) 21.300.000đ; giá trị nhà tắm 6.900.000đ; hàng rào trụ xi măng, lưới B40 là 4.200.000đ; Yêu cầu ông Phạm Văn L bồi thường chi phí khám, chữa bệnh 4.822.952đ; tiền tổn thất tinh thần 20.000.000đ; bồi thường mất thu nhập của 03 năm là 15.000.000đ.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận phát biểu ý kiến:

- Hội đồng xét xử, Thư ký tham gia phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định về: Thụ lý xét xử phúc thẩm, chuẩn bị xét xử phúc thẩm, triệu tập người tham gia xét xử phúc thẩm theo quy định tại các Điều 285, 286, 294 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng từ khi Tòa án phúc thẩm thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử tại phiên tòa phúc thẩm đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72, 73, 86, 234 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung kháng cáo: Đối với yêu cầu bồi thường mất thu nhập vượt quá phạm vi nội dung khởi kiện ban đầu nên đề nghị Tòa án không xét. Đối với các khoản yêu cầu bồi thường về tài sản, sức khỏe đề nghị Tòa án không chấp nhận vì tài sản không thuộc quyền sở hữu của vợ chồng ông Phạm Văn Đ, bà Nguyễn Thị M; Chi phí điều trị bệnh, chi phí tổn thất tinh thần không có căn cứ chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách đương sự

Ông Phạm Văn Đ xác định ông Phạm Văn L là người gây thiệt hại về tài sản và sức khỏe, chỉ khởi kiện ông Phạm Văn L nên ông L là bị đơn. Vợ ông Phạm Văn Đ là bà Nguyễn Thị M cho rằng phần hàng rào là tài sản của vợ chồng bà nên bà M được xác định là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Vợ chồng ông Phạm

Ngọc A, Trần Thị M cho rằng nhà (chòi ở) và nhà tắm vợ chồng bà cho ông Đ nên ông A, bà M được xác định là người làm chứng.

Ông Phạm Văn Đ cho rằng ông Phạm Văn L xâm phạm đến tài sản, sức khỏe nên khởi kiện, do đó quan hệ pháp luật tranh chấp được Tòa án cấp sơ thẩm xác định bồi thường thiệt hại do tài sản, sức khỏe bị xâm phạm.

Đơn kháng cáo của ông Phạm Văn Đ trong thời hạn kháng cáo nên được Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết. Tại phiên tòa, ông Phạm Văn Đ giữ nguyên nội dung kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa toàn bộ bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện. Ông Phạm Văn Đ yêu cầu khởi kiện buộc ông Phạm Văn L bồi thường tiền mất thu nhập 03 năm là 15.000.000đ, Tòa án cấp phúc thẩm xét thấy đây là yêu cầu mới phát sinh vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên không giải quyết.

[2] Xét nội dung kháng cáo

Nguyên đơn Phạm Văn Đ đồng thời là người kháng cáo và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn tranh luận cho rằng hành vi của ông Phạm Văn L xâm phạm đến tài sản hợp pháp và sức khỏe của ông Phạm Văn Đ nên phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Bị đơn Phạm Văn L tranh luận cho rằng tài sản ông Phạm Văn Đ khởi kiện không thuộc quyền sở hữu của ông Đ nên không đồng ý bồi thường; Ông L không gây thiệt hại đến sức khỏe của ông Đ nên cũng không đồng ý bồi thường chi phí điều trị cũng như tiền tổn thất về tinh thần.

Tòa án cấp phúc thẩm xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm bác toàn bộ các yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn Đ là có căn cứ, vì:

[2.1] Ông Phạm Ngọc A, bà Trần Thị M xác định căn nhà (chòi ở) xây bằng đá cốm, mái lợp ngói, kích thước 3,4m x 4,3m cũng như nhà tắm tường xây gạch tablo, mái lợp tole, kích thước 1m x 1m x 2m là những tài sản của vợ chồng ông, bà; Nhà nước đã thu hồi một phần đất gắn với tài sản và bồi thường về tài sản. Lời trình bày của ông A, bà M phù hợp với giấy giao đất do ông Phạm Ngọc A lập ngày 02/5/2001 (BL73) nên nhà (chòi ở) và nhà tắm không thuộc quyền sở hữu của ông Phạm Văn Đ nên ông Đ không có quyền đối với các tài sản này.

[2.2] Đối với hàng rào trụ xi măng, lưới B40 ông Phạm Văn Đ không có chứng cứ chứng minh đặc điểm, số lượng cụ thể; không chứng minh được quyền sở hữu đối với tài sản trên đất.

[2.3] Đối với chi phí khám, chữa bệnh

Ông Phạm Văn Đ thừa nhận không có giấy chứng thương hoặc giám định thương tích để chứng minh ông Phạm Văn L gây thương tích cho ông Đ; Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Đ thừa nhận không bị thương tích nhưng tranh luận cho rằng chính hành vi trái pháp luật của ông L xâm phạm đến tài sản cũng như thân thể của ông Đ (trói tay) đã gây cho ông nhiều bệnh phải điều trị. Xét thấy các hóa đơn, chứng từ ông Đ cung cấp không chứng minh được mối liên quan trực tiếp từ hành vi trái pháp luật của ông L gây ra nên Tòa án cấp phúc thẩm cũng không chấp nhận tranh luận của ông Đ.

[2.4] Đối với yêu cầu bồi thường tổn thất về tinh thần

Ông Phạm Văn L tranh luận cho rằng do ông Đ có hành vi chống đối nên nhiều người trong dòng tộc phải vào đưa ông Phạm Văn Đ ra khỏi khu đất của gia tộc, do ông Đ kháng cự nên mọi người tạm trói tay ông Đ và gọi công an xã đến giải quyết kịp thời. Cơ quan công an đã có văn bản không xử lý hình sự đối với ông Phạm Văn L. Trong vụ án này ông Đ cũng không chứng minh được thiệt hại; không chứng minh được tổn thất về tinh thần nên không chấp nhận nội dung tranh luận của ông Đ.

[2.4] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của ông Phạm Văn Đ; chấp nhận quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên; Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về chi phí định giá tài sản và án phí

[3.1] Chi phí thẩm định, định giá: Ông Phạm Văn Đ phải chịu 1.550.000 đồng.

[3.2] Về án phí:

- Án phí sơ thẩm: Ông Phạm Văn Đ phải chịu 1.620.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu bồi thường về tài sản không được chấp nhận. Ông Phạm Văn Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu bồi thường về sức khỏe, tổn thất tinh thần không được chấp nhận.

- Án phí phúc thẩm: Ông Phạm Văn Đ phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Phạm Văn Đ. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 10/2019/DS-ST ngày 31-7-2019 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận.

Căn cứ vào các Điều 147, 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 589, 590 của Bộ luật Dân sự; Các Điều 12, 26, 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn Đ về việc yêu cầu ông Phạm Văn L phải bồi thường thiệt hại do tài sản, sức khỏe bị xâm phạm.

2. Ông Phạm Văn Đ phải chịu 1.550.000 đồng chi phí định giá tài sản. Ông Phạm Văn Đ đã nộp đủ.

3. Về án phí:

Ông Phạm Văn Đ phải chịu 1.620.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.375.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0015881 ngày 12/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện NH. Ông Phạm Văn Đ còn phải nộp 245.000 đồng *(Hai trăm bốn mươi lăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Phạm Văn Đ phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0019460 ngày 21/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện NH. Ông Phạm Văn Đ đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Án xử phúc thẩm công khai có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 06/11/2019).

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Ninh Thuận;
- TAND huyện NH;
- Chi cục THADS huyện NH;
- Đương sự;
- Phòng KTNV-THA;
- Lưu (hồ sơ vụ án, VP).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hàng Lâm Viên